



Đề bài:

Phân tích tình cha  
con qua hai nhân vật  
Sửu (người cha) và  
Tí (người con) trong  
trích đoạn tác phẩm  
Cha con nghĩa nặng  
của Hồ Biểu Chánh.

## Bài làm

Hồ Biểu Chánh là một nhà văn rất quen thuộc của nhân dân Nam Bộ. Ông là tác giả hơn 60 cuốn tiểu thuyết, ông được xem là một trong số ít người tiên phong đặt nền móng cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Tiểu thuyết của ông chẳng những đã phản ánh một cách phong phú và chân thật cuộc sống của nhân dân Nam Bộ mà còn thể hiện đạo đức tốt đẹp của con người giữa cuộc đời. Tiểu thuyết *Cha con nghĩa nặng* đã nêu bật tình cảm xúc động của nhân vật cha Sứ và nhân vật con Tí mà đoạn hiện in trong sách Văn 11 là một trường hợp tiêu biểu.

Trước hết ta thấy đoạn trích hiện lên trước mắt người đọc hình ảnh của ba nhân vật, song điều đáng quan tâm thì chỉ có hai (Sứ và Tí). Mặc dù chỉ qua một đoạn trích song số phận nhân vật Sứ hiện lên khá đầy đủ. Trần Văn Sứ sống trong hoàn cảnh thật éo le. Do vô tình, ông mang tiếng là người giết vợ. Sợ pháp luật săn đuổi trừng trị, Trần Văn Sứ phải sống chui lủi, đến tên tuổi tung tích của mình cũng phải tìm cách xóa sạch. Trên 10 năm trời, Trần Văn Sứ phải chịu đau khổ về thể xác, tâm hồn, chịu cảnh cắn rứt dằn vặt của lương tâm. Những điều này được thể hiện qua lời nói của nhân vật khi gặp lại bố vợ và đưa con trai yêu quý của mình. Tác giả chưa miêu tả chiều sâu của nội tâm nhân vật mà chủ yếu dùng hành động và lời nói để thể hiện phẩm chất đạo đức của Trần Văn Sứ. Trong hoàn cảnh cuộc sống không đáng sống, thậm chí Trần Văn Sứ đã sống những ngày không ra cuộc sống của con người nhưng ông đã không chết được vì lòng thương con, vì sự cắn rứt của lương tâm. Ông vốn là người lương thiện, hiền lành, chất phác, thương vợ, thương con mà vợ ông lại là con người đàng điếm lãng loạn. Ông sợ là khi mình chết đi mà các con ông không hiểu được cha nó một cách đúng đắn, chúng sẽ sống trong đau khổ vì là con của người cha tàn bạo. Rõ ràng Trần Văn Sứ có cõi tâm cao thượng chỉ muốn riêng mình nhận lấy nỗi khổ đau cùng với người vợ bất hạnh, không muốn những đứa con ngây thơ trong trắng của mình phải chịu vạ lây, không muốn cho tâm hồn chúng vẫn lên những nỗi đau u uất. Thì ra những năm tháng sống đau khổ về thể xác, về tâm hồn, ông Sứ đã không chết, vì thương con, vì ý muốn tốt đẹp cho con.

Ông Sứ bươn bả về làng tìm gặp lại những đứa con sau bao năm tháng chờ đợi con khôn lớn để có thể giải bày cùng chúng. Đây là lúc ông có thể thực hiện được điều tâm niệm ấy. Gặp lại bố vợ, ông Sứ chấp nhận tất cả những lời mắng nhiếc, sỉ nhục để đạt được mục đích của mình. Trần Văn Sứ đã nói với cha vợ những lời chứa chan nước mắt đau khổ, làm hiện lên nguyên vẹn tấm lòng thương con vô hạn của người cha. Nỗi nhớ thương con cháy lòng khiến ông trở thành người cương quyết: “xăm xăm bước đi về cửa”, “lột nón xuống mà cầm trên tay”. Mặt khác cũng chính vì lòng nhớ thương con, khao khát được gặp mặt con khiến ông trở thành người mềm yếu một cách chân thực: “...cúi mặt ngó xuống đất, hai hàng nước mắt chảy

ròng rỗng... Trần Văn Sửu nói tới đó rồi khóc rầm rức”. Trần Văn Sửu ngồi khóc và than rằng: “Mười một năm nay cực khổ hết sức, song rảnh mà sống, là vì trông mong có ngày thấy được mặt con. Nay về đến đây, chưa gặp con được mà phải đi, thì làm sao được, trời đất ơi!”. Chỉ bằng một lời than thê thôi mà cũng gọi ra trước mắt ta cuộc đời khổ ải của Trần Văn Sửu và nỗi lòng yêu thương con da diết, muốn gặp mặt con dù một chút mà cũng không được. Nỗi nhớ thương con cháy lòng khiến Sửu không kiềm giữ được đã thốt thành lời: (3 lần với Hương thị Tào):

... *Con thương sắp nhỏ quá*

... *Con thương nhớ chúng nó quá tía ơi!*

... *Con nhớ sắp nhỏ quá.*

Chính tấm lòng yêu thương con của ông Sửu đã lay thức và làm bùng tình những tình cảm tốt lành trong Hương thị Tào. Từ chỗ ông nhức mắng ban đầu “Mày thiệt là đồ khôn nạn lắm. Đi liền bây giờ đi... đừng có về đây nữa” đến chỗ ông già cũng nghẹn ngào xúc động cùng Sửu: “Hương thị Tào nghe mấy lời thảm thiết ấy thì cảm động quá, chịu không nổi, nên ông cũng khóc”. Sau khi nghe Hương thị Tào cho biết là các con vẫn thương mình, Trần Văn Sửu chỉ muốn được nhìn thấy mặt chúng dù phải dấu hình mình dưới dạng người Thổ. Chi tiết đó thể hiện rất rõ nỗi lòng thương con của người cha bất hạnh. Sửu trở về nhà khao khát gặp con bao nhiêu thì sẵn sàng vui vẻ lặn lội ra đi bấy nhiêu khi biết được các con đã hiểu đúng mình và chúng sắp sửa được sống sung sướng hạnh phúc. Vì sợ liên lụy đến con, ông Sửu sẵn sàng từ bỏ khát vọng cháy bỏng trong lòng mình là được gặp lại chúng. Trần Văn Sửu vui lòng “lãnh các sự đau đớn cực khổ, buồn rầu đó, miễn là con được giàu có, sung sướng thì thôi”. Vĩnh biệt người bố vợ hiền từ nhân ái, ông Sửu ra đi với quyết tâm không về nữa.

Bằng một đoạn văn độc thoại nội tâm: “Bây giờ mình còn sống nữa làm gì! Bấy lâu này mình lặn lội chịu cực khổ mà sống, ấy là vì mình thương con, mình sợ nó bơ vơ, đói rách, mà tội nghiệp thân nó. Bây giờ mình biết rõ nó thương mình, nó còn kính trọng mình, mà nó lại gần được giàu có sung sướng hết thảy nữa, vậy thì mình nên chết rồi, chết mới quên hết việc cũ được, chết đặng hết buồn rầu, cực khổ nữa”. Một đoạn văn rất mới so với văn học trung đại, Hồ Biểu Chánh đã tái hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người cha: Sửu trở về cũng là vì muốn gặp được con, lặn lội ra đi vĩnh viễn cũng là vì con. Hai thái cực đó làm hiện lên tấm lòng nhân ái của người cha bất hạnh trong một tình huống éo le. Và bây giờ ông muốn chết đi, nên chết để “quên hết việc cũ”, “hết buồn rầu, cực khổ”, chết để khỏi liên lụy đến con! Tiếp đó Hồ Biểu Chánh đã để cho nhân vật hồi tưởng lại quá khứ sống vì con, chết vì con của đời mình: (Anh ta nghĩ như vậy rồi nhắm mắt lại...). Trong trí tưởng tượng của ông Sửu, hình ảnh của người vợ khi chết như là nỗi ám ảnh về tội lỗi dai dẳng, giày vò tâm can ông. Điều đó làm cho ông muốn chết và quên đi chuyện cũ để hết nỗi đau khổ. Mặt khác hình ảnh

ngây thơ của những đứa con ngoan ngoãn làm cho ông đau đớn trong lòng, trong tận cùng của nỗi đau ấy, cái đẹp của lòng lương thiện và tình thương con cũng ngời sáng. Nhân vật Trần Văn Sửu trong đoạn trích *Cha con nghĩa nặng* như là hiện thân của những phẩm chất đạo đức truyền thống giàu tính nhân bản. Con người hiền lành lương thiện ấy đã phải sống một cuộc đời bất hạnh, song tình thương con, lòng lương thiện, đức vị tha bao dung của người cha hiện lên vừa có tác dụng truyền cảm vừa có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Câu chuyện được kết cấu theo trật tự thời gian, nhân vật được khắc họa chủ yếu qua hành trạng và lời nói, mục đích sáng tác nhằm giáo huấn, tuyên truyền đạo đức. Đó là những điều chúng ta thường gặp trong văn học dân gian và văn học trung đại. Nhìn chung cuộc gặp gỡ giữa Sửu và bố vợ là một trường đoạn bộc lộ tâm trạng. Đó là một nỗi khao khát tình cảm của người cha đối với con, là sự giải bày những uẩn khúc đã giấu trong lòng suốt 11 năm trời. Sở dĩ 11 năm qua Trần Văn Sửu chưa muốn kết thúc cuộc đời mình chính là mong có phút gặp gỡ cùng con. Nhưng chưa được gặp con mà đã gặp lại người bố vợ. Ngôn ngữ đối thoại ở đây đầy tâm trạng và rất xúc động đồng thời mang sắc thái ngôn ngữ Nam Bộ đặc sắc. Sự phát triển tính cách nhân vật ở đoạn này dựa trên quy luật tâm lí và hoàn toàn hợp lí. Đó là một thành công trong xây dựng nội tâm nhân vật của tác giả. Tác giả khéo léo tạo tình huống để nhân vật có thể bộc lộ nội tâm của mình.

Bên cạnh tình cảm của người cha đối với con thật sâu sắc, là tấm lòng hiếu nghĩa của đứa con khi gặp lại người cha sau 11 năm xa cách. Dường như 11 năm trời hình bóng người cha không thể nào phai mờ trong đứa con hiếu nghĩa. 11 năm trôi qua, Tí (con) phải sống thiếu tình thương yêu của người cha đối với mình, chính vì thế khi gặp lại người cha, tình phụ tử trào dâng choán ngập hết tâm hồn Tí. Lúc này đây Tí chỉ biết có mình cha, khao khát được sống trong tình thương yêu của người cha.

Tình sâu nghĩa nặng giữa hai cha con Tí đem đến cho ta niềm xúc động thật thấm thía. Bởi tình nghĩa đó không hiện diện một phía (Sửu) mà đến từ hai phía như một sự gặp gỡ vừa tất yếu vừa thiêng liêng. Trước hết tình thương cha, hiếu cha, muốn gắn bó với cha khiến cho Tí trở nên đĩnh đạc và chủ động. Nó đĩnh đạc và chủ động hỏi ông ngoại: “Cha tôi đi đâu rồi ông ngoại?”. Đĩnh đạc và chủ động chạy theo cha khi Sửu bỏ đi. Nó đam đầu chạy riết theo, tiếng nói cất lên từ miền sâu thẳm của tình nghĩa phụ tử sao mà xúc động: “Ai đó? Phải cha đó không, cha?”. Trong khi Trần Văn Sửu muốn tự tử kết thúc cuộc đời đau khổ của mình thì Tí đến với tấm lòng yêu cha chân thành, đã cứu cha trở về với cuộc sống. Cảnh cha con gặp nhau thật cảm động, sinh động và giản dị: “Thằng Tí chạy riết lại nắm tay cha nó, dòm sát trong mắt mà nhìn, rồi ôm cứng trong lòng mà nói: “Cha ôi! Cha! Cha chạy đi đâu dữ vậy”. Lúc ấy Trần Văn Sửu mặt trí khôn, hết nghị lực, máu trong tim chảy thành thạch, nước trong con mắt tuôn rờn rờn, đứng xui xị xui lơ, không nói được một tiếng chi hết”. Khi gặp được cha rồi, Tí

nhất quyết không rời cha nửa bước. Cậu ta kiên quyết: “... cha đi đâu con theo đó”, “Hễ cha đi thì con đi theo”, “Đi theo đặng làm mà nuôi cha; chừng nào cha chết rồi con sẽ về”. Mặc dù đã 11 năm không gặp cha, không được cha âu yếm, nuôi nấng, nhưng khi được gặp, mỗi tình phụ tử lập tức tràn đầy. Như vậy, Trần Văn Sửu trở về cũng vì con mà ra đi cũng vì con, cho nên Tí cũng vì cha mà sẵn sàng đi theo cha để chăm sóc cha quên đi cuộc sống hiện tại của mình... Ấy chính là cái “nghĩa nặng” của tình cha con thể hiện ở đây.

Tóm lại: Đoạn trích *Cha con nghĩa nặng* in trong sách giáo khoa Văn 11 là một cuộc gặp gỡ đầy xúc động và chứa chan nước mắt giữa cha con ông Sửu. Qua những tình huống đầy kịch tính, tác giả đã nêu bật cái đẹp nội tâm của hình tượng nhân vật cha và con. Ở đây cha nghĩ về con cũng hết lòng và con đối với cha cũng hết nghĩa. Đoạn trích bên cạnh nghệ thuật miêu tả dựng cảnh khá hấp dẫn phải nói đến ngôn ngữ nghệ thuật của tác giả. *Cha con nghĩa nặng* mang dấu ấn của thời kỳ đầu văn chương đổi mới theo xu hướng hiện đại. Trước hết nó được viết bằng chữ quốc ngữ, bằng lời ăn tiếng nói đời thường (bởi ngôn ngữ đời thường), bằng những câu văn xuôi rất mới mẻ, tuy nhiên vẫn còn roi rớt của lối văn biền ngẫu “Trên trời trăng thanh vắng vạc, dưới sông dòng bích nao nao...”. Truyện mang dấu ấn của buổi giao thời...

Vũ Thị Loan – Lớp 11D

Trường THPT Xuân Trường, Nam Hà